

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bùi Thị Hương Thảo

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I. Khái quát chung

Bình Dương là một tỉnh phát triển năng động, đóng vai trò quan trọng trong việc gắn kết các tỉnh, thành phố của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bên cạnh các thành tựu về công nghiệp, dịch vụ, ngành nông nghiệp Bình Dương phát triển tương đối ổn định, bình quân 3% mỗi năm. Trong năm 2022, giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh đạt gần 18.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng là 2,7% trong cơ cấu kinh tế tỉnh. Nông nghiệp ở Bình Dương với 2 nguồn lực chính là diện tích đất nông nghiệp chiếm 75,63% diện tích tự nhiên của tỉnh và lực lượng lao động nông thôn chiếm 15,5% số lao động của tỉnh.

Bình Dương có tốc độ phát triển khá nhanh, với thế mạnh là phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Mặc dù tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh không cao, nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng do duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định trong suốt thời kỳ 2010 - 2022, tương đương với tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trưởng mỗi năm với mức tăng trưởng 3,4%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp đang có sự chuyển dịch đúng hướng khi tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng (từ 21% năm 2010 lên 43% năm 2020), giảm tỷ trọng trồng trọt (76% năm 2010 xuống 55% năm 2020).

Định hướng nông nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2030: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái gắn phát triển du lịch, trong đó tập trung phát triển nông nghiệp tại

4 huyện phía Bắc của tỉnh, bao gồm: Huyện Phú Giáo, Dầu Tiếng, Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên. Đồng thời, các vùng đô thị phía Nam sẽ tập trung vào việc phát triển nông nghiệp đô thị.

Diện tích đất trồng trọt của tỉnh là 142.772,1 ha, diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 19.742 ha, trong đó, lúa 5.456 ha (giảm 3,2%), ngô và cây lương thực có hạt khác 359 ha (giảm 5%), cây sắn 4.009 (tăng 1,4%), rau, đậu, hoa, cây cảnh 5.972 ha (tăng 0,2%),... Diện tích cây lâu năm đạt 142.346 ha, trong đó, cao su 133.286 ha (giảm 0,1%); tiêu 360 ha (tương đương); điều 1.086 ha (giảm 0,1%); cây ăn quả 8.403 ha (tăng 2,7%).

Theo số liệu điều tra của ngành thú y đến ngày 25/10/2023: Tổng đàn trâu 2.422 con (giảm 7,3% so cùng kỳ); tổng đàn bò 18.175 con (giảm 14,3%); tổng đàn heo 935.889 con (giảm 3%); tổng đàn gia cầm trên 13,2 triệu con (giảm 2%). Trong năm, ngành đã cung cấp ra thị trường trên 292 ngàn tấn thịt các loại, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 255,7 ha (giảm 67,2 ha so cùng kỳ) sản lượng 3.795 tấn.

Diện tích ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt khoảng 7.116 ha (tăng 2,6%) với các loại cây trồng có giá trị như: Rau, nấm, cây ăn trái, hoa lan, cây cảnh. Diện tích nông nghiệp đô thị khoảng 964,5 ha (tăng 2,6%) với các loại cây trồng chủ yếu như: Rau thủy canh, rau mầm, nấm, hoa lan, cây cảnh. Có khoảng 580 ha sản xuất trồng trọt theo hướng hữu cơ trên các loại cây trồng, trong đó có 187

ha đã được chứng nhận nông nghiệp hữu cơ.

Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tiếp tục phát triển với 147 trang trại đầu tư chăn nuôi gà giống, gà đẻ trứng và gà thịt với tổng đàn trên 8,1 triệu con, chiếm 68% tổng đàn; chăn nuôi heo thịt, heo giống chất lượng cao có 262 trang trại với tổng đàn gần 696 ngàn con, chiếm 74% tổng đàn; chăn nuôi vịt thịt có 56 trang trại với tổng đàn 686 ngàn con; chăn nuôi bò sữa có 01 trang trại với tổng đàn 458 con.

Toàn tỉnh có 413 tổ chức, đơn vị, hộ sản xuất áp dụng VietGAP (chăn nuôi 165 hộ và trồng trọt 248 hộ).

II. Sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực

1. Trồng trọt

Với lợi thế về tài nguyên đất, nước và điều kiện khí hậu thuận lợi cho sản xuất, trồng trọt cây ăn quả, hiện nay diện tích cây ăn quả toàn tỉnh Bình Dương đạt 7.354ha. Một số loại cây ăn quả chủ lực của tỉnh có thể kể đến như: Cây có múi (bưởi, cam, quýt), chuối, dưa lưới. Phần lớn, các loại trái cây chủ lực của Bình Dương đa phần tiêu thụ nội địa, với tiêu thụ trung bình khoảng 10.800 tấn mỗi năm. Đồng thời, một số nông sản Bình Dương đã mở rộng thị trường xuất khẩu và có mặt tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, như: Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản, Singapore, EU, Trung Quốc, Newzealand,...

2. Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi là ngành mạnh mẽ đi đầu trong việc thúc đẩy tích hợp và ứng dụng công nghệ, với 90% tổng đàn được chăn nuôi theo quy mô trang trại (Trong đó khoảng 70% tổng đàn heo, gia cầm áp dụng phương thức nuôi trại kín, trại lạnh). Nhiều công ty, trang trại và hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư và ứng dụng các công nghệ hiện đại cũng như đây chuyên sản xuất tiên tiến đạt tiêu chuẩn Châu Âu vào sản xuất chăn nuôi, cụ thể, các

tiến bộ như máng ăn, máng uống tự động, công nghệ sau thu hoạch, con giống năng suất cao, hệ thống chuồng lồng và sàn, hệ thống làm mát và sưởi ấm,... đem lại hiệu quả kinh tế cao cho ngành. Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao được tập trung ở 04 huyện phía Bắc, chủ yếu là nuôi heo và gà. Các trang trại tư nhân và các công ty đầu tư nổi bật là về chăn nuôi năng suất cao như: Trại Vĩnh Tân, Công ty 3F Việt, CP, CJ Vina, Japfa, CJ-Agri, Ba Huân, Emivest, Viet Swan,...

3. Tình hình tiêu thụ nông sản

Trong khoảng thời gian gần đây, thị trường nông sản trải qua nhiều biến động đáng kể, giá bán của các sản phẩm nông sản chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố bên ngoài. Đặc biệt, trong sản xuất nông nghiệp truyền thống, sự phụ thuộc lớn vào các yếu tố khách quan như thời tiết, dịch bệnh... tạo ra tính thời vụ cao, cũng như tính địa phương.

Các nông sản, thường là những sản phẩm tươi sống, đối mặt với thách thức lớn trong việc bảo quản và thu hoạch đồng loạt. Điều này tạo ra những đặc điểm cơ bản về cầu và cung trong thị trường nông sản, dẫn đến tính cạnh tranh cao và hiện tượng “Được mùa mất giá” là điều phổ biến.

Sự gia tăng đáng kể trong giá vật tư đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất đang gây áp lực lớn lên chi phí sản xuất và giá của các sản phẩm nông nghiệp, làm giảm sức cạnh tranh của ngành này. Đặc biệt, trong lĩnh vực chăn nuôi, thách thức này trở nên khó khăn hơn so với các ngành sản xuất khác, do chi phí đầu vào tăng mạnh trong khi giá bán sản phẩm chăn nuôi lại giảm đáng kể. Vấn đề này đặc biệt trở nên khó khăn hơn trong việc sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước, vì ngành này phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nhập khẩu. Do đó, sự tăng cao đột ngột trong giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trên thế giới đang tác động tiêu cực và nặng nề hơn lên ngành chăn nuôi nội địa.

TT	Loại sản phẩm nông sản	Quy mô (hecta, trại/chuồng)	Năng suất (tấn/ha, con/lúa...)	Sản lượng/năm (tấn, con/trứng)	Giá thành	Giá bán	Ghi chú
1	Rau	5.384	21	114.560	14.500	15.250	
2	Cây có múi	4.385	20	68.841	12.000	16.000	
3	Thịt heo hơi	524	3.113.043	233.478,24	48.000 -52.000	50.000 -53.000	
4	Thịt gà trắng	70	7.792.802	16.754,52	32.000 - 41.000	23.000 - 42.000	
5	Thịt gà lông màu	180	18.182.204	39.091,74	38.500 -40.000	41.500 -43.000	
6	Thịt vịt hơi	93	2.334.922	5.837,31	35.000 -37.000	35.000 -37.000	
7	Trứng gà	22	2.547.625	790.000	1.800	2.200	
8	Trứng vịt	3	18.500	5.739	2.000	2.700	

III. Tình hình sản xuất và chế biến nông sản

Bình Dương hiện nay đang có hơn 70 cơ sở sản xuất và chế biến các loại nông sản xuất khẩu. Sản lượng xuất khẩu các sản phẩm nông sản chế biến của tỉnh năm 2022 là 473.332 tấn các loại, trong đó có một số nông sản chủ lực như hạt điều, hạt tiêu, cà phê, chiếm tỷ lệ lớn đến 73%.

Trong quy trình sản xuất và chế biến nông sản xuất khẩu, các đơn vị và nhà máy tại Bình Dương chủ yếu thực hiện công đoạn sơ chế, đóng gói và xuất khẩu. Nguồn nguyên liệu cho sơ chế và đóng gói của hạt điều, tiêu, cà phê vừa có nguồn gốc nội địa, vừa nhập từ một số nước khác. Hạt điều nhân chủ yếu từ Bình Phước (chiếm khoảng 32%), còn lại nhập khẩu từ Châu Phi, Indonesia, Campuchia...

Hạt điều nhân xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô chủ yếu đến các thị trường Châu Âu và Châu Mỹ (chiếm 85% sản lượng xuất khẩu). Trong khi đó, hạt điều rang muối chủ yếu tiêu thụ thị trường trong nước, do không phải là thực phẩm thiết yếu nên chỉ tiêu thụ mạnh vào các dịp lễ Tết. Đáng chú

ý, chỉ có 01 đơn vị xuất khẩu dạng thành phẩm đã được đóng gói hoàn chỉnh đi các nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Canada và một số nước khác.

IV. Phát triển nông thôn - xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới được xem là chương trình toàn diện trong mục tiêu phát triển nông thôn với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn thông qua bộ tiêu chí với các chỉ tiêu cụ thể cần chuẩn hóa trong tất cả các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội, cộng đồng dân cư (quy hoạch, hạ tầng, xây dựng chính quyền, tổ chức sản xuất, kinh tế, thu nhập, y tế, văn hóa, giáo dục, an ninh trật tự,...), là chương trình được nhận định có điểm bắt đầu không có điểm kết thúc. Đó là quá trình đầu tư liên tục với sự chung tay của các cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, huy động mọi nguồn lực và tiềm năng của nền kinh tế xã hội để xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả. Nguồn lực tổng hợp này hướng tới mục tiêu lớn nhất là: nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đảm bảo sự phát triển bền vững, hài hòa giữa

nông thôn và thành thị, đem lại công bằng xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, tùy vào điều kiện kinh tế xã hội, căn cứ hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Bình Dương xây dựng Bộ tiêu chí để làm khung hướng dẫn và là cơ sở phân đấu cho các địa phương trong xây dựng nông thôn mới.

Đến nay, 100% số xã trên địa bàn tỉnh đạt công nhận xã nông thôn mới, trong đó 29/41 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2018-2020: đạt từ 12-18/19 tiêu chí Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Kết quả từ Chương trình xây dựng nông thôn mới đến nay đã đạt được kết quả nhất định, nhiều công trình hạ tầng nông thôn được đầu tư xây mới, nâng cấp sửa chữa, từng bước đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần giảm nghèo cho vùng nông thôn. Chất lượng giáo dục, y tế nhất là công tác khám chữa bệnh cho nhân dân được nâng lên rõ rệt. Đời sống văn hóa tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên, các hoạt động văn hóa, thể thao được duy trì và phát triển. An ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Hệ thống hạ tầng nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi bộ mặt nhiều vùng nông thôn. Điều kiện sống cả về vật chất và tinh thần của số lượng lớn dân cư nông thôn được nâng cao. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa được coi trọng và có chuyên biến, góp phần tích cực nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn.

V. Làng nghề truyền thống

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương có 47 loại ngành nghề nông thôn phân làm 07 nhóm ngành nghề (Theo Điều 4 Nghị định số 52/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông

thôn). Những ngành nghề đang phát triển thuộc nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn. Các ngành nghề truyền thống đang được duy trì phát triển như sơn mài, chạm trổ - điêu khắc, gốm sứ.

- Các hội, hiệp hội ngành nghề truyền thống: Hội Gốm sứ Bình Dương; Hiệp hội Sơn mài và Điêu khắc Bình Dương; Hiệp hội gỗ Bình Dương; Hội Sinh vật cảnh Bình Dương, Hội Cá cảnh Bình Dương, ...

- Trên địa bàn tỉnh Bình Dương có các làng nghề nổi tiếng như: Gốm sứ, sơn mài, khắc gỗ, mây tre đan, guốc mộc... đã gần bó và trở thành một phần trong cuộc sống của người dân nơi đây. Tuy nhiên, trong quá trình đô thị hoá và thực hiện chủ trương di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi khu dân cư nên các làng nghề này hiện nay chỉ còn một số hộ nhỏ lẻ nằm rải rác. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 01 làng nghề truyền thống (Làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp) được UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 và được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục “Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia” theo Quyết định số 1328/QĐ-BVHTTDL ngày 06/04/2016.

- Số cơ sở sản xuất và kinh doanh của làng nghề Sơn mài Tương Bình Hiệp có khoảng 60 công ty, doanh nghiệp, cơ sở, hộ gia đình đang hoạt động, số công ty, doanh nghiệp chiếm khoảng 15% còn lại là cơ sở, cửa hàng thương mại và hộ gia đình; lực lượng lao động khoảng dưới 1000 người, thu nhập bình quân một người khoảng 6 triệu đồng/tháng; tổng doanh thu một năm khoảng 150 tỷ; các sản phẩm chủ yếu của làng nghề: Lọ hoa, bình, hũ, hộp, tranh ảnh, đồ trang trí nội thất, bàn, tủ, ghế... được phân phối bán cho các điểm du lịch trong khắp cả nước và xuất khẩu.

- Đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu làng

nghe: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 nhãn hiệu tập thể đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ nhãn hiệu gồm: Nhãn hiệu tập thể “*Sơn mài - Điêu khắc Bình Dương*” cấp giấy chứng nhận vào ngày 8/7/2011, nhãn hiệu tập thể “*Gốm sứ Bình Dương*” cấp giấy chứng nhận ngày 05/01/2015.

VI. Một số giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn và làng nghề truyền thống cần tập trung trong thời gian tới

1. Đẩy mạnh công tác dự báo thông tin thị trường, phổ biến thông tin thị trường hàng hóa cung cấp cho người sản xuất qua hệ thống thông tin đại chúng, khuyến nông, các doanh nghiệp liên kết nhằm gắn sản xuất với thị trường, tăng khả năng tiếp thị, điều chỉnh sản xuất phù hợp với thị trường.

2. Kêu gọi các nhà đầu tư, các doanh nghiệp của các tỉnh có thể tham gia đầu tư xây dựng hợp tác, liên kết vùng, hợp tác phát triển liên tỉnh với TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh khác trên các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, thương mại, cung ứng dịch vụ nông nghiệp, phát triển du lịch sinh cộng đồng, du lịch sinh thái...

Tăng cường hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, sản phẩm OCOP; an toàn thực phẩm nông thủy sản, công tác giết mổ, vệ sinh thú y; nhân rộng mô hình kiểm soát, quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi... Các tiêu chuẩn nhập khẩu của các thị trường lớn hiện trải khắp chuỗi giá trị, bao gồm từ khâu giống, đất, hàm lượng phân bón, dư lượng trừ sâu,...

3. Xác định quy mô sản xuất theo từng ngành hàng, cần quy mô lớn, tập trung để đưa cơ giới hóa vào sản xuất cũng như đảm bảo chất lượng đồng đều.

- Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo chuỗi giá trị, từ xuất khẩu nguyên liệu thô sang sản phẩm chế biến; từ sản phẩm chế biến đơn

giản sang chế biến sâu; từ sản phẩm giá trị gia tăng thấp sang sản phẩm giá trị gia tăng cao.

- Áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn môi trường và các tiêu chuẩn theo yêu cầu của các thị trường mục tiêu một cách chặt chẽ đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và nâng cao uy tín của nông sản Bình Dương.

- Tổ chức truy xuất nguồn gốc, xác định nguyên nhân và hành động khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố hoặc cảnh báo từ phía nhà nhập khẩu. Hạn chế thấp nhất xảy ra tình trạng này.

4. Tiếp tục duy trì các vùng trồng đã được cấp mã số đáp ứng yêu cầu theo qui định, tăng sản lượng xuất khẩu chuỗi, mở rộng vùng trồng chuỗi được cấp mã số. Vận động những tổ chức xuất khẩu quả tươi liên kết với các hộ dân để đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng cho xuất khẩu. Đồng thời các hộ dân phải chủ động liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu để có đầu ra sản phẩm bền vững; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý nông sản Bình Dương để nâng cao giá trị xuất khẩu

5. Đẩy mạnh sản xuất, mở rộng quy mô, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm OCOP đã được chứng nhận; vận động cá nhân, hợp tác xã đăng ký xây dựng sản phẩm OCOP đối với các sản phẩm đặc sản, đặc hữu của địa phương; chú trọng khâu sơ chế, bảo quản và thiết kế bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Triển khai có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh tham gia các siêu thị, hội chợ trong và ngoài tỉnh.

(Một trong những nội dung tại Diễn đàn Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và làng nghề truyền thống). □